

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7364/NHCS-QLN

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025

V/v triển khai thực hiện đối chiếu,
phân loại nợ của khách hàng năm 2025

Kính gửi: - Sở giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội các tỉnh, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và Văn bản số 4363/NHCS-QLN ngày 30/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện Quy chế phân loại nợ tại NHCSXH.

Để triển khai thực hiện tốt việc rà soát, phân tích, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng đối với từng khoản vay. Qua đó, giúp cho NHCSXH nắm được thực trạng nợ đã cho vay để phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục thực hiện tốt việc theo dõi, giám sát, đôn đốc, thu hồi và áp dụng các giải pháp xử lý nợ phù hợp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, phòng ngừa, hạn chế phát sinh nợ không có khả năng thu hồi, tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách trong giai đoạn mới. Tổng Giám đốc NHCSXH chỉ đạo công tác đối chiếu, phân loại nợ năm 2025, cụ thể như sau:

1. Thời gian và phạm vi thực hiện việc đối chiếu, phân loại nợ

a) Thời gian: Thực hiện đối chiếu, phân loại nợ từ ngày 15/8/2025, kết thúc chậm nhất ngày 15/12/2025.

b) Phạm vi: Đối chiếu, phân loại 100% dư nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm cuối ngày 31/7/2025.

c) Dữ liệu đối chiếu, phân loại nợ được Trung tâm Công nghệ thông tin (CNTT) đồng bộ về chi nhánh từ ngày 01/8/2025 - 10/8/2025.

2. Cách thức triển khai thực hiện

a) Tại chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố

- Báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố (gọi chung là cấp tỉnh) ban hành văn bản của UBND tỉnh chỉ đạo về việc đối chiếu, phân loại nợ và giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã) làm Trưởng Ban chỉ đạo và ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đối chiếu, phân loại nợ trên địa bàn cấp xã.

- Phân công lãnh đạo chi nhánh phụ trách các Phòng giao dịch (PGD) để chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đối chiếu, phân loại nợ đảm bảo đúng quy định và tiến độ theo yêu cầu; phân công cán bộ Hội sở tỉnh hỗ trợ,

tham gia đối chiếu, phân loại nợ trực tiếp tại các đơn vị có dư nợ lớn, nợ quá hạn cao, nợ bị chiếm dụng, nợ không có khả năng thu hồi cao, lãi tồn đọng cao, các địa bàn dễ phát sinh tiêu cực.

b) Tại NHCSXH nơi cho vay

- Việc đối chiếu, phân loại nợ được tổ chức theo hình thức cuốn chiếu theo địa bàn NHCSXH tổ chức điểm giao dịch.

- Thực hiện đối chiếu lần 01 mà chưa kết thúc thì tiếp tục bố trí thời gian đối chiếu, phân loại nợ vào lần tiếp theo hoặc đối chiếu trực tiếp đến địa chỉ của khách hàng, đảm bảo thực hiện đối chiếu, phân loại nợ đến 100% khách hàng.

- Đối với khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú có thông tin địa chỉ cụ thể được NHCSXH nơi hỗ trợ rà soát, xử lý nợ xác định thuộc trường hợp 01, 02, 03, 05 tại Bước 2, Điểm 2, Phần III Văn bản số 7399/HD-NHCS ngày 12/9/2023 (Sau đây gọi là khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú được hỗ trợ rà soát, xử lý nợ) do NHCSXH nơi hỗ trợ thực hiện đối chiếu và phân loại nợ.

- Lãnh đạo NHCSXH nơi cho vay ban hành kế hoạch đối chiếu, phân loại nợ của đơn vị; đồng thời, phân công cán bộ tham gia đối chiếu, phân loại nợ. Không thực hiện phân công cán bộ tín dụng (CBTD) tham gia đối chiếu, phân loại nợ trực tiếp với khách hàng tại địa bàn được phân công theo dõi.

- Căn cứ kế hoạch của đơn vị, CBTD theo dõi địa bàn lập kế hoạch tổ chức thực hiện đối chiếu, phân loại nợ của khách hàng (Bao gồm cả khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú được hỗ trợ rà soát, xử lý nợ) chi tiết đến từng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), thời gian, địa điểm, thành phần tham gia đối chiếu, phân loại nợ phù hợp với địa bàn được giao.

- CBTD theo dõi địa bàn tổng hợp, báo cáo trình Lãnh đạo NHCSXH nơi cho vay phê duyệt kế hoạch đối chiếu, phân loại nợ tại xã. Trường hợp tại 01 xã có từ 02 cán bộ theo dõi trở lên, Lãnh đạo NHCSXH phân công 01 CBTD chịu trách nhiệm làm đầu mối thực hiện.

c) Triển khai thực hiện tại xã

Lãnh đạo NHCSXH nơi cho vay báo cáo kế hoạch triển khai đối chiếu, phân loại nợ và tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã:

- Ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đối chiếu, phân loại nợ gồm các thành phần: Chủ tịch UBND cấp xã (Trưởng ban), Lãnh đạo NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Trưởng thôn, CBTD theo dõi địa bàn (CBTD được phân công làm đầu mối) làm thư ký và các thành phần khác do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

- Phê duyệt kế hoạch và phân công thành viên tham gia các Tổ đối chiếu, phân loại nợ chi tiết đến từng thôn/ấp/bản/tổ dân phố...(gọi chung là thôn), Tổ TK&VV, thời gian, địa điểm và thành phần gồm: cán bộ NHCSXH được phân công, Tổ trưởng Tổ TK&VV (hoặc chủ dự án), đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, trưởng thôn và thành phần khác (nếu có).

- Giao NHCSXH nơi cho vay thông báo đến Tổ trưởng Tổ TK&VV để thông báo cho khách hàng vay vốn về thời gian, địa điểm đối chiếu nợ vay và mang các giấy tờ như: Thẻ căn cước/Căn cước công dân hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VneID; sổ vay vốn, Hợp đồng tín dụng hoặc các giấy tờ nhận nợ có liên quan; phiếu giao dịch, biên lai thu lãi kỳ gần nhất và các giấy tờ liên quan khác (nếu có).

3. Xử lý các trường hợp phát sinh trong quá trình đối chiếu, phân loại nợ

a) Đối chiếu, phân loại nợ đối với các món nợ khoanh

- Đối với các món nợ khoanh thực hiện đối chiếu, phân loại khả năng trả nợ của khách hàng, không phân tích nguyên nhân không có khả năng trả nợ trên mẫu số 01/PL (*Kèm theo văn bản*).

- Trong quá trình đối chiếu, phân loại các món nợ khoanh, trường hợp khách hàng có khả năng trả nợ và đồng thuận việc trả nợ thì hướng dẫn khách hàng lập cam kết theo mẫu số 02/QLNK và các nội dung quy định tại Văn bản số 368/NHCS-QLN ngày 17/01/2024.

b) Đối chiếu, phân loại nợ đối với khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú

* Với vai trò là NHCSXH nơi cho vay

- Các khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú đã được xác định theo Văn bản số 7399/HD-NHCSXH ngày 12/9/2023 đến thời điểm 31/7/2025 do NHCSXH nơi cho vay thực hiện đối chiếu, phân loại nợ và ghi nhận kết quả vào mẫu số 01/PL (Trừ trường hợp khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú được hỗ trợ rà soát, xử lý nợ).

- NHCSXH nơi cho vay tạo lập và chuyển dữ liệu trên chương trình thông tin báo cáo (TTBC) đối với các món vay của các khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú được hỗ trợ rà soát, xử lý nợ mẫu số 01A/PL (*Kèm theo văn bản*) đến NHCSXH nơi hỗ trợ để đối chiếu, phân loại nợ.

- Căn cứ kết quả đối chiếu, phân loại nợ NHCSXH nơi hỗ trợ gửi về, nhập kết quả lên chương trình TTBC theo quy định và ghi nhận kết quả vào mẫu số 01/PL.

* Với vai trò là NHCSXH nơi hỗ trợ

- Căn cứ danh sách khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú được hỗ trợ rà soát, xử lý nợ mẫu số 01A/PL, NHCSXH nơi hỗ trợ tổ chức thực hiện đối chiếu, phân loại nợ và lập biên bản mẫu số 01/BBPL (*Kèm theo văn bản*) nêu rõ nguyên nhân chi tiết của từng khách hàng (Trừ trường hợp khách hàng có khả năng trả nợ và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ). Trường hợp khách hàng đã chuyển đi nơi khác phải có xác nhận công an xã trên biên bản mẫu số 01/BBPL.

- Sau khi hoàn thành xong việc đối chiếu, phân loại nợ của khách hàng đi khỏi nơi cư trú nhận đề nghị hỗ trợ, NHCSXH nơi hỗ trợ gửi kết quả file Scan bao gồm: mẫu số 01A/PL, mẫu số 01/BBPL và các giấy tờ khác (nếu có) về

NHCSXH nơi cho vay làm căn cứ để thực hiện nhập kết quả lên chương trình TTBC theo quy định.

c) Các trường hợp phát sinh chênh lệch nợ vay trong quá trình đối chiếu, phân loại nợ

- Món vay được Tổ đối chiếu, phân loại nợ ghi nhận có chênh lệch là món vay có số dư nợ (gốc, lãi) khách hàng nhận nợ cao hơn hoặc thấp hơn số dư nợ (gốc, lãi) thực tế tại ngân hàng tại thời điểm đối chiếu, cụ thể:

+ Trường hợp phát sinh chênh lệch gốc, lãi do khách hàng không nhận nợ, không nhận nợ một phần: Tổ đối chiếu, phân loại nợ lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) ghi nhận sự việc, phản ánh ý kiến của người không nhận nợ hoặc thực trạng của món vay không có người nhận nợ, xác định các thông tin về món vay, thu thập chứng cứ liên quan (nếu có) để xác định nguyên nhân cụ thể làm cơ sở để tiếp tục xác minh, xử lý.

+ Trường hợp phát sinh chênh lệch lãi do khách hàng đã nộp lãi cho Tổ trưởng Tổ TK&VV nhưng Tổ trưởng chưa nộp ngân hàng: Tổ đối chiếu, phân loại nợ xác minh rõ sự việc, kiểm tra các giấy tờ liên quan, lập biên bản (Mẫu số 01/BBPL) và yêu cầu Tổ trưởng nộp ngay số lãi đã thu cho ngân hàng.

+ Các trường hợp chênh lệch khác: Tổ đối chiếu, phân loại nợ lập biên bản (mẫu số 01/BBPL) cho từng trường hợp, phản ánh rõ sự việc, xác minh chính xác nguyên nhân chênh lệch, thống nhất với hộ vay phương án xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền đề nghị xác minh và giải quyết.

- Đối với trường hợp phát sinh chênh lệch gốc, lãi do cách tính toán của người vay và ngân hàng không thống nhất hoặc có sự nhầm lẫn: Cán bộ ngân hàng kiểm tra, xác minh lại số liệu, trao đổi, giải thích với người vay để người vay thống nhất và ký xác nhận dư nợ trên mẫu số 01/PL.

- Đối với các khoản vay đã trả nợ một phần thì chỉ đối chiếu và đánh giá khả năng trả nợ phần dư nợ còn lại của khách hàng đến thời điểm đối chiếu, trên biểu 01/PL ghi tổng số tiền còn dư nợ đến 31/7/2025.

Lưu ý: không ghi nhận món vay có chênh lệch nợ vay đối với trường hợp: khách hàng đi khỏi nơi cư trú; học sinh sinh viên (HSSV) mồ côi không có thông tin địa chỉ cụ thể; người vay đi tù; người vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (không có người ủy quyền); món vay không có người nhận nợ; chết; mất tích...

d) Phân tích, ghi nhận trên Danh sách phân loại nợ theo khả năng trả nợ của khách hàng (mẫu số 01/PL)

- Cột số 9 “Có khả năng trả nợ”: đối với các món nợ khoanh nếu khách hàng có khả năng trả nợ thì ghi số tiền khách hàng còn nợ ngân hàng tại thời điểm 31/7/2025 vào cột số 9 “có khả năng trả nợ”; khách hàng không có khả năng trả nợ thì nhập số “0” vào cột số 9 trên mẫu số 01/PL.

- Cột số 11 “Khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro nợ” được xác định bao gồm các trường hợp:

+ Khách hàng vay vốn thuộc diện phải thực hiện rà soát, xử lý nợ theo Văn bản số 7399/HD-NHCS nhưng chưa đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro theo quy định tại Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021.

+ Khách hàng vay vốn và các thành viên ký tên trên Giấy ủy quyền không có mặt tại địa phương trong suốt thời gian đối chiếu như: đi lao động ở địa phương khác hoặc vì mục đích khác (gọi chung là đi làm ăn xa) nhưng vẫn phát sinh giao dịch trả nợ, trả lãi đầy đủ cho ngân hàng trong thời gian từ 3 tháng liền kề trước kỳ đối chiếu, phân loại nợ.

- Cột số 15 “Khoản vay không có người nhận nợ”: là những khoản vay sau khi NHCSXH nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công Thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước đã căn cứ theo địa chỉ trên hồ sơ vay vốn để rà soát, đối chiếu nhưng trên thực tế không xác định được địa chỉ người vay, không ai biết thông tin về người vay hoặc một người đứng tên vay cho nhiều hộ đã phát sinh nhiều năm trước, các thành viên nhận tiền trên hồ sơ chỉ có chữ ký hoặc danh sách. Đến thời điểm đối chiếu, phân loại nợ NHCSXH và chính quyền tại địa phương không xác định được người nhận nợ, không có người nhận nợ.

- Cột số 19 “Chữ ký khách hàng”: ghi nhận nội dung với một số trường hợp như sau:

+ Khoản vay đã tắt toán sau ngày 31/7/2025: Tổ đối chiếu, phân loại nợ ghi nhận dòng chữ **“Đã tắt toán”** và phân loại khách hàng có khả năng trả nợ.

+ Khách hàng vay vốn thông qua hộ gia đình chương trình xuất khẩu lao động là hộ độc thân (hộ gia đình chỉ có 01 thành viên không phải lập Giấy ủy quyền) hiện đang thực hiện hợp đồng lao động tại nước ngoài thì tại cột chữ ký khách hàng trên mẫu 01/PL ghi nhận dòng chữ: **“Hộ độc thân”**.

+ Khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú phải thực hiện rà soát, xử lý nợ theo Văn bản số 7399/HD-NHCS ghi nhận dòng chữ **“ĐKNCT”**.

+ Ghi dòng chữ **“LAX”** đối với những khách hàng quy định gạch đầu dòng (-) thứ hai, dấu cộng (+) thứ hai tại điểm d, khoản 3 văn bản này.

đ) Về xác nhận thực trạng khách hàng

- Các trường hợp món vay không đối chiếu được trực tiếp, Tổ đối chiếu, phân loại nợ thực hiện xác nhận cụ thể thực trạng của từng khách hàng, cụ thể:

+ Trường hợp cả hộ gia đình không có mặt nơi cư trú; không có người nhận nợ; HSSV mồ côi đang trong thời gian theo học nhưng thôi học, bỏ học thì Tổ đối chiếu lập biên bản mẫu số 01/BBPL ghi nhận sự việc, thông tin, thực trạng, đồng thời, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng; nếu chưa có cơ sở đánh giá khả năng trả nợ thì Tổ đối chiếu, phân loại nợ tiếp tục xác minh, thu thập thông tin để phân tích nguyên nhân, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

+ Trường hợp trong suốt thời gian đối chiếu do khách hàng không có mặt tại địa phương do các nguyên nhân như: đi lao động ở địa phương khác hoặc vì mục đích khác (gọi chung là đi làm ăn xa) không trực tiếp tham gia đối chiếu tại xã, phải thực hiện đối chiếu gián tiếp. Tổ đối chiếu, phân loại nợ cử thành viên trong Tổ liên hệ trực tiếp với khách hàng để xác minh lại thông tin, đối chiếu số dư nợ (gốc, lãi) và xác nhận thực trạng khách hàng trên biên bản mẫu số 01/BBPL.

- Trường hợp trong quá trình đối chiếu, phân loại nợ có phát sinh khách hàng mới đi khỏi nơi cư trú thì phải lập biên bản mẫu số 01/BBPL làm căn cứ xác định để thực hiện các bước rà soát, xử lý nợ theo Văn bản số 7399/HD-NHCS.

- Trường hợp khách hàng vay vốn đi khỏi nơi cư trú đã được rà soát, xử lý nợ theo Văn bản số 7399/HD-NHCS; HSSV mồ côi bỏ học, thôi học đã có thông báo của nhà trường đến NHCSXH nơi cho vay theo Văn bản số 1852/NHCS-TDSV ngày 17/6/2015 của Tổng Giám đốc “về việc Sửa đổi nghiệp vụ cho vay HSSV mồ côi theo Văn bản số 2162A/NHCS-TD” thì không phải lập biên bản mẫu số 01/BBPL.

- Các trường hợp khoản vay không có người nhận nợ, khách hàng không nhận nợ, khách hàng chây ỳ, các nguyên nhân khác, Tổ đối chiếu, phân loại nợ lập biên bản mẫu số 01/BBPL ghi nhận lại cụ thể sự việc, thông tin, thực trạng của khách hàng để xác định nguyên nhân cụ thể và có các giải pháp xử lý kịp thời.

e) Thành phần xác nhận đối chiếu, phân loại nợ với một số trường hợp

- Trường hợp sinh viên mồ côi đang trong thời gian theo học vay vốn chương trình cho vay HSSV có xác nhận của đại diện phòng Quản lý HSSV; đối với sinh viên mồ côi đã ra trường và chưa gia nhập Tổ TK&VV thì có xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi sinh viên làm việc hoặc trường thôn nơi sinh viên đang cư trú.

- Đối với các dự án, dự án nhóm hộ vay vốn chương trình cho vay Giải quyết việc làm của Liên đoàn lao động, Hội người mù, Liên minh Hợp tác xã và Bộ quốc phòng; tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia đối chiếu nợ có đại diện chủ dự án và thành phần khác do UNND xã phân công có xác nhận của cơ quan chủ quản dự án.

4. Nhập kết quả đối chiếu, phân loại nợ vào phần mềm thông tin báo cáo

- Nhập kết quả đối chiếu, phân loại nợ theo quy trình hướng dẫn tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Văn bản số 67/CNTT-PM ngày 18/3/2016 của Trung tâm CNTT, thực hiện nhập dữ liệu lên chương trình TTBC, không đợi đến cuối đợt mới nhập; chương trình TTBC sẽ tự động cập nhật và đồng bộ dữ liệu đơn vị về Hội sở chính mà không cần duyệt gửi dữ liệu.

- Đối với các nhóm nguyên nhân tại các cột 15,16,17 trên mẫu số 01/PL: căn cứ biên bản mẫu số 01/BBPL khi nhập thông tin lên chương trình TTBC phải nhập chi tiết, cụ thể cho từng trường hợp, không ghi chung chung như “Không có người nhận nợ”, “Khách hàng không nhận nợ”, “Nguyên nhân khác”.

- Việc nhập kết quả đối chiếu, phân loại nợ lên chương trình TTBC phải đảm bảo chính xác, khớp đúng và thường xuyên rà soát lại dữ liệu, thông tin đã nhập để kịp thời điều chỉnh các sai sót (nếu có) trước khi gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác đối chiếu, phân loại nợ theo quy định.

- Sau khi gửi báo cáo theo hướng dẫn tại điểm 5 văn bản này, các đơn vị tuyệt đối không tự ý chỉnh sửa kết quả đối chiếu, phân loại nợ. Trường hợp có sai sót cần chỉnh sửa, các đơn vị có văn bản đề nghị nêu rõ nội dung, nguyên nhân gửi về Hội sở chính (qua Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro) để xem xét, giải quyết.

5. Thời gian gửi báo cáo

- NHCSXH nơi cho vay gửi NHCSXH tỉnh báo cáo theo mẫu số 05/PL, 06PL, 07/PL, 09/PLN, 10/PLN chậm nhất ngày 01/01/2026, NHCSXH tỉnh tổng hợp gửi Hội sở chính chậm nhất ngày 15/01/2026.

- Đối với nhóm nguyên nhân: khách hàng không nhận nợ; các nguyên nhân khác; khoản nợ tham ô, chiếm dụng phát sinh mới đơn vị có thuyết minh từng trường hợp cụ thể bằng văn bản.

6. Tổ chức thực hiện

- Việc đối chiếu, phân loại nợ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm những tháng cuối năm 2025, Giám đốc chi nhánh cấp tỉnh và Giám đốc NHCSXH nơi cho vay chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả đối chiếu, phân loại nợ trước Tổng Giám đốc NHCSXH.

- Căn cứ kết quả rà soát đối chiếu nợ, phân loại nợ, NHCSXH nơi cho vay báo cáo Đảng ủy, UBND cấp xã về kết quả đối chiếu, phân loại nợ trên địa bàn xã. Đồng thời, phối hợp UBND cấp xã tổ chức tổng kết, đánh giá thực trạng nợ trên địa bàn và xây dựng phương hướng nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới nhằm thực hiện tốt công tác quản lý và xử lý nợ, qua đó nâng cao chất lượng tín dụng chính sách trên địa bàn.

- Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro theo dõi kết quả thực hiện và tham mưu Tổng Giám đốc chỉ đạo chấn chỉnh đối với các đơn vị chưa thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện văn bản này; phối hợp với TTCNTT mô tả yêu cầu thay đổi về quy trình nghiệp vụ đối chiếu, phân loại nợ để CNTT làm cơ sở xây dựng phần mềm; thực hiện kiểm thử phần mềm hỗ trợ đối chiếu, phân loại nợ theo hướng dẫn tại văn bản này.

- Trung tâm CNTT thực hiện nâng cấp hệ thống phần mềm hỗ trợ đối chiếu, phân loại nợ theo hướng dẫn tại văn bản này và hoàn thành sử dụng phần mềm, hướng dẫn hỗ trợ các đơn vị trong quá trình thực hiện báo cáo.

- Các mẫu biểu số 01/PL, 03/PL, 06/PL, 10/PLN ban hành văn bản này thay thế các mẫu biểu số 01/PL, 03/PL, 06/PL, 10/PLN tại Văn bản số 4363/NHCS-QLN ngày 30/12/2015. Các nội dung không được sửa đổi, bổ sung

tại văn bản này được thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản số 4363/NHCS-QLN của Tổng Giám đốc.

Nhận được văn bản này, yêu cầu Giám đốc Sở giao dịch; chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phản ánh về Hội sở chính (Qua Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro) để tổng hợp báo cáo Tổng Giám đốc xem xét, giải quyết./. *Hy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Trưởng Ban kiểm soát;
- Phó BTTT Đảng ủy NHCSXH (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Các Ban CMNV tại HSC;
- Trung tâm Đào tạo;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, QLN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận

Phòng giao dịch....

Mẫu 01/PL

Xã:.....; Thôn:.....

Tổ chức Hội:.....

Tổ TK&VV (Dự án):Mã Tổ (Dự án):.....

DANH SÁCH PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG (Đính kèm phụ lục)

Thời điểm:/...../.....

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Họ và tên khách hàng	Mã món vay	Chương trình	Số dư tại NHCSXH				Có khả năng trả nợ	Không có khả năng trả nợ							Ghi chú	Chữ ký khách hàng	
				Nợ gốc			Nợ lãi		Món vay đủ điều kiện XLNRR theo quy định	Khách hàng đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR	Khoản nợ tham ô, chiếm dụng chưa đủ điều kiện XLNRR	Người vay đi tù	Sản xuất kinh doanh thua lỗ	Món vay không có người nhận nợ	Khách hàng không nhận nợ			Các nguyên nhân khác
				Trong hạn	Quá hạn	Khoanh												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Nguyễn Văn A		HN	1.000			10	1.000										
			HSSV		2.000		20	2.000										
	Cộng			1.000	2.000		30											
2	Nguyễn Văn B		GQVL			5.000		5.000										
3	Nguyễn Văn C		HN			7.000		0										
4	Nguyễn Thị D		XKLD				1.500								1.500			
5	Hoàng Thị E		HN	5.000					5.000								1	
6	Đặng Văn F				3.000					3.000							12	
.....																		
Tổng Cộng																		

..., ngày.....tháng.....năm ...

CÁC THÀNH PHẦN KHÁC

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

(CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN)

(Ký tên, đóng dấu)

TỔ TRƯỞNG TỔ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Đối với các món vay trực tiếp in Danh sách theo từng xã và thành phần ký chỉ gồm khách hàng và Ngân hàng, dự án nhóm hộ vay vốn in danh sách theo từng dự án.
- Các món nợ khoanh không có khả năng trả nợ ghi số tiền 0 nghìn đồng vào cột số 9.
- Từ cột 9 đến cột 17 ghi theo số dư nợ gốc của món vay, đối với những món vay chỉ còn nợ lãi thì ghi theo số nợ lãi.
- Tại cột 18 (Ghi chú):
 - + Trường hợp món vay thuộc nhóm nguyên nhân đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro (cột 10) thì phải nhập mã nguyên nhân rủi ro theo Phần I Phụ lục đính kèm mẫu 01/PL
 - + Trường hợp món vay thuộc nhóm nguyên nhân khách hàng đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện xử lý (cột 11) và các trường hợp được gọi chung là đi làm ăn xa thì phải nhập mã nguyên nhân theo Phần II Phụ lục đính kèm mẫu 01/PL
 - Cột 19: Ghi nhận theo hướng dẫn tại gạch đầu dòng (-) thứ 4 tại điểm d khoản 3 của văn bản.

Phòng Giao dịch.....
Xã:.....; Thôn:.....

Mẫu 01A/PL

**DANH SÁCH PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG
ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG ĐI KHỎI NƠI CƯ TRÚ ĐƯỢC HỖ TRỢ, RÀ SOÁT, XỬ LÝ NỢ**

Thời điểm:/...../.....

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Họ và tên khách hàng	Mã món vay	Chương trình	Số dư tại NHCSXH				Có khả năng trả nợ	Không có khả năng trả nợ				Ghi chú	Chữ ký khách hàng
				Nợ gốc			Nợ lãi		Món vay đủ điều kiện XLNRR theo quy định	Khách hàng đã chuyển đi nơi khác không còn ở nơi ở mới	Người vay đi tù	Các nguyên nhân khác		
				Trong hạn	Quá hạn	Khoanh								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Nguyễn Văn A		HN	1.000			10	1.000						
			HSSV		2.000		20	2.000						
	Cộng			1.000	2.000		30							
2	Nguyễn Văn B		GQVL			5.000		5.000						
3	Nguyễn Văn C		HN			7.000		0						
4	Nguyễn Thị D		XKLĐ				1.500							
5	Hoàng Thị E		HN	5.000					5.000				1	
6	Đặng Văn F				3.000					3.000			12	
.....														
Tổng Cộng														

CÁC THÀNH PHẦN KHÁC
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
(Ký tên, đóng dấu)

TỔ TRƯỞNG TỔ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Các món nợ khoanh không có khả năng trả nợ ghi số tiền 0 nghìn đồng vào cột số 9.
- Từ cột 9 đến cột 13 ghi theo số dư nợ gốc của món vay, đối với những món vay chỉ còn nợ lãi thì ghi theo số nợ lãi.
- Tại cột 14 (Ghi chú): trường hợp món vay thuộc nhóm nguyên nhân đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro (cột 10) thì phải nhập mã nguyên nhân rủi ro theo Phần I Phụ lục đính kèm mẫu 01/PL
- Cột 15: Món vay đã tắt toán sau ngày 31/7/2025: ghi “đã tắt toán”

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG

Thời điểm: ... Xã:.....

Đơn vị: món, triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nợ có khả năng thu hồi									Nợ không có khả năng thu hồi								
		Trong hạn			Quá hạn			Khoanh			Trong hạn			Quá hạn			Khoanh		
		Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Cho vay ủy thác																		
1	Hội nông dân																		
	Tổ Nguyễn Văn A																		
	Tổ Nguyễn Văn B																		
..																			
2	Hội phụ nữ																		
																			
3	Hội cựu chiến binh																		
																			
4	Đoàn thanh niên																		
																			
II	Cho vay trực tiếp																		
1	Dự án nhóm hộ																		
	Dự án Nguyễn Văn C																		
																			
2	Cho vay trực tiếp																		
	Tổng Cộng (I + II)																		

*, ..., Ngày.....tháng.....năm.....

HỘI NÔNG DÂN
(Ký, đóng dấu)

HỘI PHỤ NỮ
(Ký, đóng dấu)

HỘI CỰU CHIẾN BINH
(Ký, đóng dấu)

ĐOÀN THANH NIÊN
(Ký, đóng dấu)

UBND XÃ
(Ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN NHCSXH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thời điểm:...../...../.....

Đơn vị: món, nghìn đồng

[illegible]

STT	Chi tiêu	Tổng cộng			Trong đó					
		Số món	Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn		
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	14
3	Các khoản nợ tham ô, chiếm dụng chưa đủ điều kiện xử lý									
1	Tổ Nguyễn Văn A									
2	Tổ Nguyễn Văn B									
...										
III	Hội cựu chiến binh									
...										
IV	Đoàn thanh niên									
...										
B	CHO VAY TRỰC TIẾP									
I	Món vay đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro									
I.1	Dự án nhóm hộ									
2	Dự án Nguyễn Văn C									
...										
I.2	Cho vay trực tiếp									
1	Nguyễn Văn H									
...										
II	Khách hàng đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR									
I.1	Dự án nhóm hộ									
1	Dự án Nguyễn Văn C									
...										
I.2	Cho vay trực tiếp									
1	Nguyễn Văn D									
...										
	Tổng cộng									

HỘI NÔNG DÂN
(Ký, đóng dấu)

HỘI PHỤ NỮ
(Ký, đóng dấu)

HỘI CỰU CHIẾN BINH
(Ký, đóng dấu)

ĐOÀN THANH NIÊN
(Ký, đóng dấu)

UBND XÃ
(Ký, đóng dấu)

....., ngày....tháng....năm
ĐẠI DIỆN NHCSXH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TỈNH.....
PGD.....XÃ.....

Mẫu 04/PL

DANH SÁCH CHÊNH LỆCH NỢ VAY NHCSXH QUA ĐỐI CHIẾU TẠI XÃ
Thời điểm Xã.....

Đơn vị: ngàn đồng

TT	Hội xã Tổ TK&VV Họ và tên	Mã món vay	Chương trình	Số dư tại NHCSXH			Chênh lệch		Nguyên nhân chênh lệch	
				Nợ gốc			Nợ lãi	Gốc		Lãi
				Trong hạn	Quá hạn	Khoanh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	CHO VAY ỦY THÁC									
	Hội nông dân									
I	Tổ Nguyễn Văn B									
1	Nguyễn Văn C		HN							
2	Nguyễn Văn C		HSSV							
....										
II	Tổ Hoàng Văn A									
....										
	Hội phụ nữ									
....										
B	CHO VAY TRỰC TIẾP									
I	Cho vay trực tiếp									
1	Nguyễn Văn L		HN							
2	Nguyễn Văn M		HSSV							
....										
II	Cho vay Dự án nhóm hộ									
	Dự án Trần Thị K									
1	Nguyễn Thị D									
....										
Tổng Cộng (A + B)										

HỘI NÔNG DÂN
(Ký, ghi rõ họ tên)

HỘI PHỤ NỮ
(Ký, ghi rõ họ tên)

HỘI CỰU CHIẾN BINH
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐOÀN THANH NIÊN
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND XÃ
(Ký, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG

Thời điểm: Tổ chức Hội nhận ủy thác:.....

Đơn vị: món, triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Nợ có khả năng thu hồi									Nợ không có khả năng thu hồi								
		Trong hạn			Quá hạn			Khoanh			Trong hạn			Quá hạn			Khoanh		
		Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã A																		
2	Xã B																		
3	Xã C																		
....																			
....																			
	Tổng Cộng (I + II)																		

LẬP BIỂU

KIỂM SOÁT

....., Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

Ghi chú: - Tại NHCSXH nơi cho vay báo cáo được tổng hợp chi tiết đến từng xã, lập thành 03 liên: 01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác xã, 01 liên gửi chi nhánh NHCSXH tỉnh.
- Tại NHCSXH tỉnh tổng hợp báo cáo chi tiết đến từng phòng giao dịch, lập 02 liên: 01 liên lưu NHCSXH tỉnh, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp tỉnh.

TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN KHÁCH HÀNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ

Thời điểm:...../...../....

Tổ chức Hội nhận ủy thác:.....

Đơn vị: món, nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng			Trong đó					
		Số món	Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn		
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Món vay đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro									
1	Xã A									
2	Xã B									
...										
...										
II	Khách hàng đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR									
...										
	Tổng cộng									

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

...,ngày.....tháng.....năm ...

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Tại NHCSXH nơi cho vay báo cáo được tổng hợp chi tiết đến từng xã, lập thành 03 liên: 01 liên lưu NHCSXH nơi cho vay, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã, 01 liên gửi chi nhánh NHCSXH tỉnh.
- Tại chi nhánh NHCSXH tỉnh tổng hợp báo cáo chi tiết đến NHCSXH nơi cho vay, lập 02 liên: 01 liên lưu NHCSXH tỉnh, 01 liên gửi Tổ chức Hội nhận ủy thác cấp tỉnh.

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHÊNH LỆCH NỢ VAY NHCSXH QUA ĐỐI CHIẾU
Thời điểm

Đơn vị: tổ, món, ngàn đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số tổ TK&VV có chênh lệch	Tổng số món vay chênh lệch	Số tiền Chênh lệch	
				Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6
A	Cho vay ủy thác				
I	Hội nông dân				
1	Phòng giao dịch A				
2	Phòng giao dịch B				
....					
II	Hội phụ nữ				
....					
B	Cho vay trực tiếp				
1	Phòng giao dịch A				
2	Phòng giao dịch B				
....					
Tổng Cộng (A + B)					

.....Ngày.....tháng.....năm.....

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Chi nhánh tỉnh tổng hợp đến Phòng giao dịch gửi Hội sở chính

BÁO CÁO PHÂN LOẠI NỢ THEO KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG
(Đến thời điểm.....//.....)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Nợ có khả năng thu hồi									Nợ không có khả năng thu hồi								
		Trong hạn			Quá hạn			Khoanh			Trong hạn			Quá hạn			Khoanh		
		Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Theo Chương trình																		
1	Cho vay hộ nghèo																		
2	Cho vay học sinh, sinh viên																		
3	Cho vay giải quyết việc làm																		
																			
II	Theo Đơn vị																		
1	Xã A																		
2	Xã B																		
3	Xã C																		
																			
	Tổng Cộng																		

....., Ngày.....tháng.....năm.....

LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: tại Phần II cấp Tỉnh tổng hợp đến từng Phòng giao dịch; cấp TW tổng hợp đến từng tỉnh.

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN KHÁCH HÀNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ

Đến thời điểm:/...../.....

Đơn vị: món, nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số món	Tổng dư nợ		Trong đó					
			Gốc	Lãi	Trong hạn			Quá hạn		
					Số món	Gốc	Lãi	Số món	Gốc	Lãi
1	2	3=(6+12)	4=(7+13)	5=(8+14)	6	7	8	12	13	14
I	Món vay đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...										
...										
II	Khách hàng đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện XLNRR									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...										
...										
III	Các khoản tham ô, chiếm dụng chưa đủ điều kiện xử lý									
1	Cho vay Hộ nghèo									
2	Cho vay HSSV									
...										
...										
	Tổng cộng									

.....ngày.....tháng.....năm

LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Báo cáo được tổng hợp thực hiện tại (NHCSXH nơi cho vay, tỉnh, TW)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
XÁC NHẬN NGUYÊN NHÂN, THỰC TRẠNG HỘ VAY

Hôm nay, ngày tháng năm, tại thôn xã tỉnh, thành phố Tổ xác minh, đối chiếu và phân loại nợ chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ.....Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụĐại diện
3. Ông (bà)Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà)Chức vụĐại diện
5. Ông (bà)Chức vụĐại diện
6.

Đã tiến hành lập biên bản xác nhận kết quả đối chiếu và thực trạng của khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội, cụ thể:

I. Thông tin khách hàng

1. Tên khách hàng, năm sinh
2. Số CCCD/CC, ngày cấp..... nơi cấp
3. Số điện thoại:
4. Địa chỉ vay vốn:

II. Kết quả làm việc

1. Chênh lệch dư nợ qua đối chiếu tại thời điểm ... (nếu có):

Đơn vị: đồng

Chương trình cho vay	Mã món vay	Số liệu tại NHCSXH		Số liệu đối chiếu tại khách hàng		Chênh lệch	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	2	3	4	5	6	7 = (5-3)	8 = (6-4)
Hộ nghèo							
.....							
Cộng							

Nguyên nhân chênh lệch:

.....

.....

.....

2. Thực trạng khách hàng vay vốn

.....

.....

.....

III. Kết luận của thành phần tham gia làm việc

.....

.....

.....

Buổi làm việc kết thúc vào hồi..... , sau khi thông qua biên bản các bên đều nhất trí với các nội dung đã nêu và thống nhất ký tên. Biên bản này lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, khách hàng giữ 01 bản, ngân hàng giữ 01 bản, Tổ TK&VV giữ 01 bản, tổ chức Hội nhận ủy thác cấp xã giữ 01 bản để theo dõi và thực hiện./

Khách hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ chức CT-XH cấp xã/CQ chủ quản

(Ký tên, đóng dấu)

Trưởng thôn

(Ký, ghi rõ họ tên)

CB ngân hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

TP tham gia khác

(Ký, ghi rõ họ tên)

*** Hướng dẫn ghi Biên bản**

- Chủ dự án ký tên vào phần “Tổ TK&VV/Chủ DA” trong trường hợp cho vay chương trình GQVL theo dự án nhóm hộ của Liên đoàn lao động, Hội người mù, liên minh HTX, Bộ quốc phòng. Trường hợp mời thêm cơ quan chủ quản của dự án, ký tên vào phần “Cơ quan chủ quản dự án”.

- Biên bản được lập riêng đối với từng khách hàng trong trường hợp có chênh lệch dư nợ vay NHCSXH qua đối chiếu hoặc các trường hợp quy định tại điểm đ, mục 3 văn bản này.

- Đối với trường hợp khách hàng đi khỏi nơi cư trú nhận hỗ trợ: Lập biên bản 01/BBPL với từng khách hàng nhận hỗ trợ (trừ trường hợp khách hàng có khả năng trả nợ và cam kết trả nợ). Nếu tại thời điểm xác minh, đối chiếu khách hàng lại không có mặt tại địa phương nơi khách hàng chuyển đến thì phải có xác nhận của công an xã.

Phụ lục
MÃ NHÓM NGUYÊN NHÂN KÈM THEO MẪU 01/PL

I. Mã nguyên nhân các khoản nợ đủ điều kiện xử lý nợ bị rủi ro

1: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, cụ thể:

Các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi và cây trồng xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2: Nhà nước thay đổi chính sách, cụ thể:

Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mất hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3: Lao động nước ngoài bị rủi ro, cụ thể:

Biến động chính trị, kinh tế - xã hội, dịch bệnh ở nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do người lao động không đủ sức khỏe để làm việc hoặc không đảm bảo tay nghề hoặc do các nguyên nhân khách quan khác mà không do lỗi của người lao động dẫn đến việc người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

4: Hộ gia đình bị rủi ro, cụ thể:

Khách hàng vay vốn là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình (là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung tại thời điểm khách hàng đề nghị xử lý rủi ro):

a) Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích;

b) Bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.

5: Bỏ đi khỏi nơi cư trú, cụ thể:

Tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

6: Khoản nợ chưa có điều kiện thi hành án, cụ thể:

Các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

7: Khoản nợ tham ô, chiếm dụng, cụ thể:

Các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích và không còn tài sản để trả nợ;

8: Khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

9: Khoản vay hết thời gian khoan nợ, cụ thể:

Khoản vay hết thời gian khoan nợ chưa có hoặc không có khả năng trả nợ

10: Rủi ro không làm hồ sơ kịp thời, cụ thể:

Khách hàng vay vốn bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan trước thời điểm năm 2014 không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời.

11: Nợ nhận bàn giao không thu hồi được, cụ thể:

Các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước đã được Ngân hàng Chính sách xã hội áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thể thu hồi được.

II. Mã nguyên nhân hộ vay đi khỏi nơi cư trú chưa đủ điều kiện xử lý nợ rủi ro

12: Khách hàng đi khỏi nơi cư trú có thông tin địa chỉ cụ thể đã được xác định theo văn bản số 7399/HD-NHCSXH.

13: Khách hàng đi khỏi nơi cư trú không có thông tin địa chỉ cụ thể đã được xác định theo văn bản số 7399/HD-NHCSXH.

14: Khách hàng đi khỏi nơi cư trú phát sinh mới trong thời gian đối chiếu.

15: Khách hàng được xác định đi làm ăn xa quy định gạch đầu dòng (-) thứ hai, dấu cộng (+) thứ hai, Điểm d, Mục 3 của văn bản.